

Bản án số: 231/2024/DS-PT

Ngày: 30.5.2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Trần Thị Thanh Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Khương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 29 và 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 533/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, Tp . (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Trần Thị M - Luật sư, Văn phòng L2 thuộc đoàn Luật sư T.

- **Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Hoàng M1, sinh năm 1969 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Tố Q, sinh năm 1970. Trú tại: Khu V, phường T, quận T, Tp . (có mặt)

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971. Trú tại: Tổ I, khu vực T, phường T, quận T, Tp . (có mặt)

- **Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1982 Trú tại: Khu V, P. T, quận T, Tp . (có mặt)
2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945. Trú tại: Khu V, phường T, quận T, Tp . (có mặt)
3. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1963. Trú tại: Khu V, phường T, quận T, Tp . (có mặt)
4. Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1976. Trú tại: Khu V, phường T, quận T, Tp . (có mặt)
5. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975. Trú tại: Khu V, phường T, quận T, Tp . (có mặt)
6. Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1958. Trú tại: Khu V, phường T, quận T, Tp Cần Thơ (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hoàng M1, bà Nguyễn Thị Tố Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày và yêu cầu như sau: Ngày 10.10.2021 (âm lịch) bà có cho vợ chồng bị đơn ông Nguyễn Hoàng Minh/bà Nguyễn Thị Tố Q1 vay/mượn 08 lượng vàng 24kara. Nguồn gốc số vàng này được bà mượn của mẹ là bà Phan Thị H1 mà có. Theo đó, ông, bà Minh Q2 viết biên nhận và giao cho bà quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD219417, thửa 2168, tờ bản đồ số 01, đất tại khu vực T, phường T, quận T, Tp . do ông M1 đứng tên quyền sử dụng để làm tài sản thế chấp, đảm bảo khoản nợ vay. Theo thỏa thuận ông bà M1, Q2 hứa đến tháng 09.2022 sẽ trả lại số vàng trên nhưng đến nay vẫn chưa trả nên bà khởi kiện yêu cầu ông M1 bà Q2 có trách nhiệm trả lại 08 lượng vàng 24k; bà đồng ý trả lại Giấy đất khi ông M1 bà Q2 thanh toán xong nghĩa vụ.

* Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông M1, bà Q2 có ý kiến như sau: Ông, bà không thừa nhận vay/mượn vàng nên không đồng ý trả theo yêu cầu bà H. Trước đây, ông, bà có vay của bà H 40.000.000 đồng – vay giùm người khác (không nhớ họ tên), mức lãi suất 10%/tháng tương đương 4.000.000 đồng/tháng, ông, bà đã đóng 12 tháng trừ tiền hụi bà H đóng chứ ông, bà không vay/mượn vàng như bà H trình bày. Hơn nữa, vào các năm 2017, 2019, 2021 ông, bà sửa chữa, xây dựng lại nhà nên có gửi vật dụng tủ, bàn, ghế và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha là ông Nguyễn Minh M2 (*lúc này sống chung nhà bà H*), trong quá trình gửi tài sản thì thất lạc Giấy đất mà bà H đang giữ cho là tài sản thế chấp. Nay bà H khởi kiện đòi 80 chỉ vàng thì ông bà không thừa nợ nợ vay nên không đồng ý trả mà có yêu cầu phản tố để yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD219417 do ông Nguyễn Hoàng M1 đứng tên quyền sử dụng để cấp lại cho ông.

* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H. Buộc ông Nguyễn Hoàng M1 và bà Nguyễn Thị Tố Q1 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thúy H 80 chỉ vàng 24 kara (*tám mươi chỉ vàng 24 kara*).

2. Ghi nhận việc nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H tự nguyện trả lại cho ông Nguyễn Hoàng M1 và bà Nguyễn Thị Tố Q1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) số BD219417 ngày 06.12.2010 do UBND quận T cấp cho ông Nguyễn Hoàng M1 đứng tên quyền sử dụng - đất tại đất tại khu vực T, phường T, quận T, tp ..

3. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 05 tháng 9 năm 2023 bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy án sơ thẩm và trả lại giấy đất cho bị đơn.

* Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Bị đơn không thừa nhận có việc vay vàng của nguyên đơn, lời khai ở cơ quan điều tra là không đúng, cán bộ công an ghi không đúng lời trình bày của bị đơn và hiện bị đơn đang tố cáo đến Bộ C. Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào lời khai nhưng người làm chứng là không khách quan bởi những người này có mâu thuẫn với bị đơn, chỉ nghe nói lại, không chứng kiến trực tiếp. Cấp sơ thẩm dựa vào lời khai ở cơ quan điều tra để buộc bị đơn trả là không đúng bởi đây là vụ việc đánh nhau liên quan đến vụ việc cha mẹ bị đơn chia đất không đều. Bị đơn không được nghe đọc lại biên bản, thời điểm lấy khai bị đơn bị đau mắt không thấy rõ. Cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng trong quá trình giải quyết vụ nên đề nghị hủy án sơ thẩm và buộc nguyên đơn trả giấy đất cho bị đơn.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 08 cây vàng là có cơ sở, bởi tại cơ quan điều tra bị đơn thừa nhận có vay, lời khai bị đơn được cán bộ lấy khai ghi, có đọc lại cho bị đơn nghe và bị đơn thừa nhận có ký tên nên bị đơn nói ghi sai là không đúng. Phía bị đơn nói cơ quan điều tra lấy khai vì mâu thuẫn chia thừa kế là không đúng mà do việc nguyên đơn đòi vàng bị đơn nên xô xát và bị công an mời làm việc, chính lời khai của bị đơn tại cơ quan công an có khai rõ vì xô xát việc nguyên đơn đòi vàng bị đơn. Không những bị đơn khai ở một biên bản mà tới 04 biên bản thì nói không có là không đúng. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn có vay vàng của nguyên đơn, cấp sơ thẩm xét xử là đúng đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, bị đơn có các lời khai ở cơ quan điều tra thừa nhận có vay của nguyên đơn 08 cây vàng 24 kara, lời khai bị đơn khai tự nguyện, có nghe đọc lại và

thừa nhận có ký tên nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả là đúng, tuy nhiên, khoản tiền lãi nguyên đơn nhận của bị đơn đề nghị buộc nguyên đơn trả cho bị đơn vì giao dịch vay mượn vàng vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, phía bị đơn có yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để chờ kết quả giải quyết đơn tố cáo của bị đơn tố cáo đối với cán bộ điều tra ghi lời khai không đúng ở Cơ quan điều tra công an quận T gây bất lợi cho bị đơn. Thấy rằng, quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã có văn bản đến Công an quận T để xác định việc giải quyết tố cáo của bị đơn, ngày 03/01/2024, Công an quận T có thông báo số 01/TB-CSĐT-ĐTTH có nội dung không thụ lý đơn tố cáo bởi tại thông báo số 65/TB-CAQ ngày 28/10/2023 của Công an quận T xác định nội dung tố cáo của bị đơn đối với đồng chí Bùi Tiến H2 có hành vi cố tình làm sai lệch lời khai dẫn đến thay đổi bản chất vụ án, xâm phạm hoạt động tư pháp là tố cáo sai, vậy vụ việc của bị đơn đã được trả lời, nay bị đơn cho rằng tiếp tục có đơn tố cáo đến Bộ C và được chỉ đạo cho Thanh tra Công an T1 và Công an quận T tiếp tục làm rõ là không phù hợp với Điều 259 về tạm ngừng phiên tòa bởi đây là việc giải quyết vụ án dân sự, Tòa án phải tiếp tục xét xử theo yêu cầu nguyên đơn, biết rằng bị đơn cho rằng việc tố cáo để xác định lời khai của bị đơn là không đúng như bị đơn đã khai, cấp sơ thẩm đã sử dụng lời khai này để buộc bị đơn trả nợ, tại phiên tòa bị đơn cung cấp thơ mời của công an quận T mời bị đơn làm việc ngày 17/5/2024, bị đơn xác định có làm việc nhưng nội dung không biết như thế nào. Do đó, không có căn cứ để tạm ngừng phiên tòa như đề nghị của bị đơn.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Qua tranh tụng tại phiên tòa cũng như xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: tuy bị đơn không thừa nhận vay vàng của nguyên đơn nhưng quá trình làm việc tại cơ quan điều tra sau khi xảy ra sự việc xô xát giữa nguyên đơn và bị đơn về vụ việc nguyên đơn đòi bị đơn trả vàng có cơ sở xác định bị đơn có vay vàng của nguyên đơn, bởi các lời khai này tự bị đơn khai khi làm việc liên quan đến vụ xô xát, mà sự việc này đều xuất phát từ việc nguyên đơn đòi bị đơn trả, chính tại các biên bản lấy khai cụ thể các ngày 08/11/2022 tại C1 bà Q1 thừa nhận: “Vào khoảng 7 giờ 30 phút ngày 08.11.2022, tôi đang ở nhà thì có vợ chồng B1... tới nhà của tôi để đòi tiền vào năm 2021 tôi có mượn của vợ chồng B 08 cây vàng và tôi có đưa lại bằng khoán nhà cho B và mỗi tháng tôi phải đưa cho B 4.000.000 đồng tiền lời, và tôi có nói với B là mỗi tháng sẽ trả cho B 05 chỉ vàng và đóng lời hàng tháng. B không chịu và nói trong vòng 2, 3 tháng phải trả hết. Tôi mới nói lỡ 2, 3 tháng tôi gom không đủ thì trả làm sao. B kêu tôi hứa phải 3 tháng trả lại hết. Lúc đó tôi không đồng ý vì sợ 2, 3 tháng gom không đủ, nếu không chịu thì cứ thưa ra chính quyền, chính quyền kêu tôi trả bao nhiêu thì tôi trả”. Tiếp theo biên bản lấy khai ngày 08.11. 2022 bị đơn M1: “Vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 8.11.2022, hai vợ chồng Nguyễn Văn B, Lê Thị Thúy H đến nhà tìm vợ tôi Nguyễn Thị Tố Q1 để đòi nợ, thấy vậy tôi đi kêu vợ tôi ra hai bên ngồi nói chuyện ở nhà trong, tôi mới nói chuyện nợ tôi không biết nên đi ra trước nhà cách bàn nói chuyện khoảng 3m. Lúc đó B nói chị mượn tiền giùm người ta, người ta trả

chị sao chị không trả lại cho em, vợ tôi nói để từ từ gom đủ rồi trả, B nói trả liền, 1, 2 tháng trả liền không để như vậy được, không trả liền thì tính sổ. Vợ tôi mới nói mày tính sao cũng được, có thừa thì thừa đi...”

- Biên bản ghi lời khai ngày 23.11.2022 (bút lục: 32, 33) bị đơn ông Nguyễn Hoàng M1 thừa nhận: Vào năm 2021 thì vợ của B tên H có cho vợ tôi tên Nguyễn Thị Tố Q1 - sinh năm 1970 mượn 08 cây vàng và có thỏa thuận đóng tiền lời lãi hàng tháng cho H, đến tháng 10.2022 thì vợ chồng B, H đến nhà tôi đòi Q1 trả lại vàng, vì Q1 chưa chuẩn bị sẵn vàng nên không có khả năng trả lại B, H nên xảy ra mâu thuẫn”

- Biên bản ghi lời khai ngày 24.11.2022 (bút lục: 34, 35) bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q1 thừa nhận: Vào năm 2021 thì vợ của B tên H có cho tôi vay mượn 08 cây vàng và có thỏa thuận đóng tiền lời lãi hàng tháng là 4.000.000 đồng/tháng cho H, sau đó tôi đóng tiền lời hàng tháng cho H nên không xảy ra mâu thuẫn gì, đến tháng 10.2022 thì vợ chồng B, H đến nhà tôi đòi trả lại vàng, vì chưa chuẩn bị sẵn vàng nên tôi không có khả năng trả lại nên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau”.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn thừa nhận có ký vào các biên bản nhưng không đọc là không đúng, vì cuối biên bản có cán bộ đọc lại cho bị đơn nghe, và công nhận là đúng nên bị đơn ký tên. Mặt khác, tại biên bản đối chất ngày 23/8/2023 do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện giữa ông Lê Hữu L1 (là cán bộ Công an phường T, bút lục: 88), chính ông L1 là người trực tiếp lấy lời khai ông M1 sau khi sự việc xô xát giữa nguyên đơn và bị đơn, có nội dung xác định về việc có ai ép buộc bị đơn trình bày lời khai tại cơ quan công an không thì phía bị đơn xác định: “chúng tôi tự nguyện trình bày”. Do đó, cho thấy việc lấy khai ở công an phường T cũng như tại cơ quan cảnh sát điều tra thì đến thời điểm hiện nay bị đơn chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh để xác định cán bộ lấy khai ghi sai lời trình bày của bị đơn. Đối với lời khai những người làm chứng tuy chỉ nghe nói việc mượn vàng giữa các bên, không chứng kiến trực tiếp, nhưng phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã thừa nhận nên cũng được xem xét đánh giá trong tổng thể các tình tiết sự kiện trong vụ án.

[2.3] Tất cả lời khai của bị đơn tại Công an, khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đã được cơ quan Công an lưu giữ cung cấp cho Tòa án nên được xem là chứng cứ hợp pháp và được sử dụng làm căn cứ để xác định tình tiết khách quan của vụ án theo quy định Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự. Và chính trong các biên bản lấy khai bị đơn thừa nhận có vay vàng của nguyên đơn 08 cây vàng nên dù việc vay vàng giữa các bên không có làm biên nhận, bị đơn không thừa nhận trong quá trình giải quyết ở Tòa án, nhưng bị đơn thừa nhận tại cơ quan có thẩm quyền khác cũng được xem là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, là cơ sở để buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn đòi hủy án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận vì cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

[2.4] Cần khẳng định thêm, việc nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là chứng cứ xác định bị đơn có vay vàng của nguyên đơn bởi không ai tự đem giấy đất của mình là quyền về tài sản cho người khác giữ trong

khi không có điều kiện hay mối liên quan nào. Phía bị đơn cho rằng do sửa nhà có đem vật dụng và giấy chứng nhận nhờ cha là ông M2 (đã chết) cất giữ, sau đó bị thất lạc nên nguyên đơn mới có giấy đất của bị đơn, nhưng hiện nay ông M2 đã chết, tại phiên tòa phúc thẩm bà N là mẹ của bị đơn ông M1 cho rằng không có sự việc ông M1 qua gửi đồ gì, lời khai người làm chứng ông G là em ruột của bị đơn M1 có biết ông M1 qua gửi đồ nhưng không biết có gửi giấy đất hay không thì không biết chỉ có các vật dụng sinh hoạt chén đĩa, do đó, cũng không có căn cứ xác định bị đơn ông M1 có gửi giấy nhà cha mẹ hiện cũng ở chung với nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu trả giấy đất của bị đơn: tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện trả cho bị đơn nên cấp sơ thẩm đã ghi nhận là đúng nên giữ nguyên.

[4] Từ những nhận định trên nên ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ một phần về 08 cây vàng, đối với lỗi tách ra thành vụ kiện khác như án sơ thẩm phân tích là đúng, Lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng nên giữ nguyên.

[5] Về án phí:

[5.1] Dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu. Giữ nguyên như án sơ thẩm

[5.2] Dân sự phúc thẩm: bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ:** - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

***Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng M1 và bà Nguyễn Thị Tô Q1.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004072 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và

Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND Q.Thót Nốt;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.Thót Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh